Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9001.40.00

Mã HS	9001.40.00
Mô tả hàng hóa	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học / - Thấu kính thủy tinh làm kính đeo mắt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 18:21:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90014000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17920
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17920
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17920
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17218
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17147
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17147
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17147
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17147
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17147
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17147
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17203
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17203
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17203
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17203

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17203
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17203
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17204
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17204
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17204
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17204
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17204
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17204
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17209
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17165
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17161
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17161
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17161
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17161
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17161
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17161
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17207
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17207
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17207
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17207
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17207
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17207
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17269
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17269
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17269
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17269
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17269
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17245
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17245
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17245
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17245
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17245
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17245
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17240
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17240
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17240
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17240
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17240
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17240
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17270
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17270
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17270
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17270
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17270
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17270
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17269
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17269
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17269
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17269
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17269
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17363
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17363
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17363
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17363
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17363
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17363
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17363
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17232
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17232
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17232
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17232
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17232
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17232
RCEP B	2022	2022	0	B!D17232
RCEP B	2023	2023	0	B!E17232
RCEP B	2024	2024	0	B!F17232
RCEP B	2025	2025	0	B!G17232
RCEP B	2026	2026	0	B!H17232
RCEP B	2027	2027	0	B!I17232
RCEP C	2022	2022	0	C!D17230
RCEP C	2023	2023	0	C!E17230
RCEP C	2024	2024	0	C!F17230
RCEP C	2025	2025	0	C!G17230
RCEP C	2026	2026	0	C!H17230
RCEP C	2027	2027	0	C!I17230
RCEP D	2022	2022	0	D!D17229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17229
RCEP D	2024	2024	0	D!F17229
RCEP D	2025	2025	0	D!G17229
RCEP D	2026	2026	0	D!H17229
RCEP D	2027	2027	0	D!I17229
RCEP E	2022	2022	0	E!D17233
RCEP E	2023	2023	0	E!E17233
RCEP E	2024	2024	0	E!F17233
RCEP E	2025	2025	0	E!G17233
RCEP E	2026	2026	0	E!H17233
RCEP E	2027	2027	0	E!I17233
RCEP F	2022	2022	0	F!D17232
RCEP F	2023	2023	0	F!E17232
RCEP F	2024	2024	0	F!F17232
RCEP F	2025	2025	0	F!G17232
RCEP F	2026	2026	0	F!H17232
RCEP F	2027	2027	0	F!I17232
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F16162
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G16162
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H16162
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I16162

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9001.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9001.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17920), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.